

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Quý
- Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 906/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1963

Thường trú: đường A, khu phố B, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường D, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1962

Địa chỉ: đường A, khu phố B, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc B trình bày: Bà và ông Lê Hoàng S tự nguyện kết hôn vào năm 1996 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lập gia đình chúng tôi sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S thường xuyên nhậu say về la mắng vợ con, ghen tuông vô cớ, đập phá đồ đạc trong nhà. Bà đã rất nhiều lần nói chuyện với ông S nhưng không có kết quả, ông S vẫn không thay đổi. Trước đây bà đã nộp đơn ly hôn nhưng ông S sửa sẽ thay đổi và mong muốn đoàn tụ gia đình, lo cho vợ con nên

bà đã rút đơn cho ông S cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng ông S không thay đổi. Vì bất đồng nên bà đã dọn ra ngoài sinh sống từ tháng 6/2016 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Hoài T, sinh ngày 05/8/1986 và Lê Ngọc T, sinh ngày 21/12/1990. Hai người con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Ông Lê Hoàng S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà Nguyễn Ngọc B có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Ông Lê Hoàng S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Lê Hoàng S cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Lê Hoàng S đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điểm b

Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Bà Nguyễn Ngọc B và ông Lê Hoàng S tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 299 ngày 15/7/1996 do Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 20/9/2017 bà B nộp đơn xin ly hôn với ông Sang. Trong quá trình hòa giải bà B kiên quyết xin ly hôn, ông S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét yêu cầu ly hôn của bà B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà B và ông S tự nguyện kết hôn năm 1996, theo bà B thì mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu xuất phát do ông S thường xuyên nhậu say về la mắng vợ con, ghen tuông vô cớ, đập phá đồ đạc trong nhà, bà đã khuyên bảo và cho ông S nhiều cơ hội để thay đổi nhưng không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Đối với ông Lê Hoàng S, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông S vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Điều này cho thấy ông S không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không chú tâm đến các yêu cầu của bà B và cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Bà B cho rằng tình cảm vợ chồng giữa bà và ông S không còn, mục đích hôn nhân hiện nay cũng không đạt được, ông bà cũng đã ly thân và nay xin ly hôn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B về việc xin ly hôn với ông Sang.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà B cũng như giấy khai sinh của 02 người con được bà B cung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung giữa bà B và ông S có 02 người con chung tên Lê Hoài T, sinh ngày 05/8/1986 và Lê Ngọc T, sinh ngày 21/12/1990, hiện nay cả hai người con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tại Tòa, bà B xác định tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Do ông S vắng mặt nên dành cho ông Lê Hoàng S quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung và nợ chung với bà B bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà B phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Nguyễn Ngọc B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc B được ly hôn ông Lê Hoàng S.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Hoài T, sinh ngày 05/8/1986 và Lê Ngọc T, sinh ngày 21/12/1990. Cả hai người con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Hoàng S được quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung và nợ chung với Bà Nguyễn Ngọc B bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (hai trăm ngàn) đồng bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037073 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà B đã nộp đủ án phí. Ông Lê Hoàng S không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

